

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÔ THỊ HUNG YÊN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018



Hung Yên, tháng 01 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Tiến Dũng	Chủ tịch Công ty
Ông Trương Quốc Trân	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật
Ông Vũ Đức Minh	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Đức	Phó Giám đốc

*Ông Lê Tiến Dũng nghỉ chế độ hưu từ ngày 01/12/2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

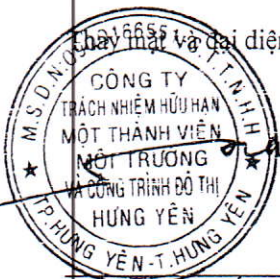
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chay và đại diện cho Ban Giám đốc,



TRƯƠNG QUỐC TRÂN
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2019



SỐ: 029/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Ban Giám đốc****Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán. Nếu thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên với giá trị khoảng 2,9 tỷ đồng và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 2,9 tỷ đồng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2018, cụ thể là khoản phải thu của Phòng Quản lý đô thị - thành phố Hưng Yên (phát sinh trong năm 2017 và chưa thanh toán trong năm 2018) với trị giá khoảng 5,8 tỷ đồng; khoản phải trả là công nợ nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên khoảng 6,7 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không xác định được mức độ hợp lý của các số dư này, theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 trong năm 2018 là 1.398.393.000 VND. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 1.398.393.000 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ hồ sơ tài sản cố định và xây dựng cơ bản của các tài sản nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2018 là 92.502.043.709 VND, giá trị xây dựng cơ bản dở dang là 36.958.312.218 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến giá trị tài sản, chi phí khấu hao và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Bên cạnh đó, năm 2018, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản trên làm cho chi phí khấu hao của năm 2018 giảm đi 2 tỷ đồng so với mức trích khấu hao năm 2017. Theo ý kiến giải trình của Ban lãnh đạo công ty, Công ty thực hiện Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ngày 17/01/2017 về việc bàn giao nguồn vốn, tài sản, nhân sự bộ phận thoát nước từ công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên sang công ty Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên. Theo Biên bản bàn giao số liệu và sổ sách kế toán giữa hai bên, Công ty được tiếp nhận danh mục bao gồm nguyên giá và hao mòn lũy kế theo sổ sách kế toán của 104 hạng mục công trình thoát nước đô thị. Trước khi bàn giao, nhóm tài sản này được công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên trích khấu hao theo mức thấp và xác định là chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, theo Hợp đồng hàng năm ký giữa Công ty và Phòng Quản lý Đô thị - Thành phố Hưng Yên, giá trị các dịch vụ công ích chỉ được ký duyệt ở mức thấp (45-50% so với đơn giá định mức quy định) nên dự toán dịch vụ công ích của Công ty được phê duyệt cho công tác duy trì, nạo vét hệ thống thoát nước bị cắt giảm đơn giá nhân công, cắt bỏ lợi nhuận định mức; số tiền được duyệt chỉ đảm bảo cho chi phí trực tiếp. Vì vậy, Công ty đã phải điều chỉnh khung thời gian khấu hao đối với nhóm 104 tài sản trên để đảm bảo chi phí trích khấu hao tài sản phù hợp với nguồn được ký duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1117-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 30 tháng 01 năm 2019
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Đinh Bá Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
4382-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.692.848.153	26.837.310.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.776.275.477	10.395.997.979
1. Tiền	111	5	14.776.275.477	10.395.997.979
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.272.211.612	16.431.974.854
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		8.441.790.686	6.617.985.283
2. Tra trước cho người bán ngắn hạn	132		22.700.804	1.953.645.815
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	7.807.720.122	7.860.343.756
III. Hàng tồn kho	140	7	61.825.405	8.660.500
1. Hàng tồn kho	141		61.825.405	8.660.500
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		582.535.659	676.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		581.872.359	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		663.300	676.940
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		199.269.444.731	210.351.881.150
I. Tài sản cố định	220		161.565.099.466	165.644.221.033
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	161.565.099.466	165.644.221.033
- Nguyên giá	222		466.442.459.796	451.308.142.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.877.360.330)	(285.663.921.612)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.898.175.018	42.915.722.018
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.898.175.018	42.915.722.018
III. Tài sản dài hạn khác	260		806.170.247	1.791.938.099
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		806.170.247	1.791.938.099
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		230.962.292.884	237.189.191.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

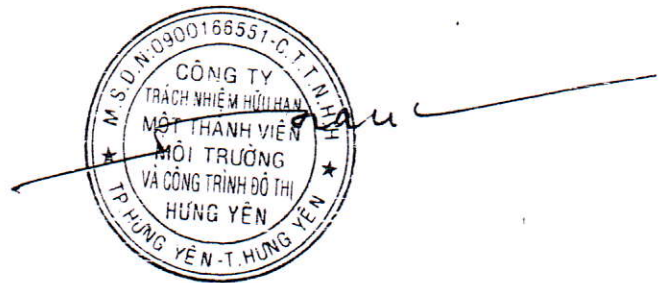
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17.962.951.917	26.637.504.547
I. Nợ ngắn hạn	310		17.962.951.917	26.637.504.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		16.055.416.882	19.845.996.962
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.000	49.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		510.284.373	270.530.049
4. Phải trả người lao động	314		1.220.430.000	4.642.894.790
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		81.477.223	1.830.472.443
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.342.439	47.560.803
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.999.340.967	210.551.686.876
I. Vốn chủ sở hữu	410	9	148.886.128.257	147.118.569.944
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		116.395.963.313	116.995.963.313
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.341.642	4.470.942
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.583.510	292.902.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	224.148.548
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.583.510	68.753.788
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		32.363.239.792	29.825.233.353
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		64.113.212.710	63.433.116.932
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		64.113.212.710	63.433.116.932
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (410 = 300 + 400)	440		230.962.292.884	237.189.191.423

[Handwritten signature]

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Trương Quốc Trân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊNSố 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		65.092.085.551	58.204.610.518
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		65.092.085.551	58.204.610.518
3. Giá vốn hàng bán	11		55.439.920.478	52.540.935.819
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		9.652.165.073	5.663.674.699
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	10	32.120.955	65.548.230
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11	9.724.652.574	11.123.311.133
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (26)}	30		(40.366.546)	(5.394.088.204)
8. Thu nhập khác	31	12	204.798.500	5.529.852.409
9. Chi phí khác	32		95.822.712	39.857.576
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		108.975.788	5.489.994.833
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.609.242	95.906.629
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	34.025.732	27.152.841
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		34.583.510	68.753.788


Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

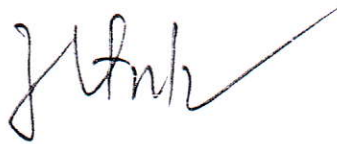
Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Trương Quốc Trân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊNSố 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	59.182.172.119	53.662.884.342
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.314.601.959)	(14.186.610.399)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.228.159.543)	(26.265.456.099)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(27.152.814)	(119.079.645)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.602.887.020	7.500.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.592.690.705)	(8.465.669.884)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	19.622.454.118	12.126.068.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài	21	(15.274.297.575)	(34.200.840.572)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.120.955	65.548.230
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(15.242.176.620)	(34.135.292.342)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	24.000.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	24.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	4.380.277.498	1.990.775.973
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.395.997.979	8.405.222.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	14.776.275.477	10.395.997.979


Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Trương Quốc Trân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên tiền thân là Công ty Thị chính Hưng Yên được thành lập theo Quyết định số 1407/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 của UBND tỉnh Hưng Yên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo Quyết định số 512/QĐ – UBND ngày 04 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên số 0900166551 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2012. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/04/2015.

Theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng yên, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên chịu trách nhiệm tiếp nhận và tổng hợp số liệu của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên từ ngày 01/07/2016.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 375 người (tại ngày 01/01/2018 là 378 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Các dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan bao gồm quản lý và làm vệ sinh môi trường; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh;
- Sửa chữa thiết bị điện bao gồm quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa bao gồm kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại các hồ nước trong công viên địa bàn thành phố Hưng Yên;
- Các hoạt động của trụ sở văn phòng bao gồm Quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước và thụ tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước nộp Ngân sách nhà nước theo quy định;
- Hoàn thiện công trình xây dựng bao gồm sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ bao gồm quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ việc tang lễ và cát táng; quản lý, làm vệ sinh môi trường; quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên;
- Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Tiêu thoát nước nội thị

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Yên * HHH

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Năm 2018, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của 104 tài sản được nhận bàn giao từ Công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên làm cho chi phí khấu hao của năm 2018 giảm đi 2 tỷ đồng so với mức trích khấu hao năm 2017. Nguyên nhân của việc thay đổi như sau: Công ty thực hiện Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ngày 17/01/2017 về việc bàn giao nguồn vốn, tài sản, nhân sự bộ phận thoát nước từ công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên sang công ty Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên. Căn cứ Biên bản bàn giao số liệu và sổ sách kế toán giữa hai bên, công ty được tiếp nhận 104 danh mục là công trình thoát nước đô thị đã có giá trị được theo dõi trên sổ sách. Tuy nhiên, giá trị nhóm tài sản này được công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên ghi nhận vốn chủ sở hữu thực có, hàng năm được trích khấu hao và xác định là chi phí sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, hàng năm do nguồn ngân sách chỉ đảm bảo được ở mức thấp (45-50% so với đơn giá định mức quy định) nên dự toán dịch vụ công ích của Công ty được phê duyệt cho công tác duy trì, nạo vét hệ thống thoát nước bị cắt giảm đơn giá nhân công, cắt bỏ lợi nhuận định mức; số tiền được duyệt chỉ đảm bảo cho chi phí trực tiếp. Vì vậy, công ty đã phải điều chỉnh khung thời gian khấu hao đối với nhóm tài sản này mới đảm bảo chi phí trích khấu hao tài sản.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, từ năm 2014, doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" của Công ty chuyển từ diện doanh thu không chịu thuế sang doanh thu chịu thuế GTGT với thuế suất 10%. Tuy nhiên, theo Biên bản quyết toán ký giữa Công ty và Phòng quản lý đô thị Thành phố Hưng Yên hàng năm, Phòng quản lý đô thị Thành phố Hưng Yên không được cấp kinh phí tương ứng với số thuế GTGT 10%, do đó Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên không phát hành hóa đơn GTGT 10% và không ghi nhận số thuế GTGT phải nộp tương ứng. Vì vậy, số thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định từ năm 2014 đến năm 2017 là 5.089.799.800 VND, năm 2018 là 1.398.393.000 VND. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 6.488.192.800 đồng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊNSố 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.568.359.562	2.114.161.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.207.915.915	8.281.836.454
Cộng	14.776.275.477	10.395.997.979

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>7.807.720.122</i>	<i>7.860.343.756</i>
Khoản phải thu về nguồn XDCB chờ được cấp (*)	392.959.735	392.959.735
Các khoản phải thu khác	7.375.000	173.674.519
Số dư tạm ứng	6.869.550.000	6.915.000.000
Dư Nợ TK 3388 - phải thu khác	537.835.387	378.709.502
<i>b) Phải thu dài hạn khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	7.807.720.122	7.860.343.756

(*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành và kết chuyển tăng một số tài sản cố định từ nguồn vốn ngân sách cấp, tuy nhiên các công trình này chưa được cấp tiền về tài khoản Công ty.

	Số vốn chờ cấp	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình		
Công trình lắp đặt đèn TT một số tuyến đường TP	100.573.090	100.573.090
Công trình điện chiếu sáng 05 xã	194.039.115	194.039.115
Công trình cải tạo Hồ Bán Nguyệt	49.360.530	49.360.530
Công trình xây dựng kè đảo Công viên Nam Hòa	48.987.000	48.987.000
Công trình công chào cửa ngõ phía Bắc	-	-
Cộng	392.959.735	392.959.735

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	312.500
Công cụ, dụng cụ	61.825.405	8.348.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	61.825.405	8.660.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	61.825.405	8.660.500

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn hoa, cây xanh	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	308.444.625.577	79.480.955.087	23.595.312.789	446.837.400	20.600.277.825	18.740.133.967	451.308.142.645
Mua trong năm	111.830.000	37.400.000	3.392.625.000	98.000.000	-	14.573.624.000	18.213.479.000
Giảm do bán giao (*)	(1.331.493.962)	(478.996.787)	(1.142.332.200)	(124.956.900)	-	(1.382.000)	(3.079.161.849)
Số dư cuối năm	307.224.961.615	79.039.358.300	25.845.605.589	419.880.500	20.600.277.825	33.312.375.967	466.442.459.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	201.736.263.518	48.452.115.397	16.823.817.099	359.657.673	16.899.754.916	1.392.313.009	285.663.921.612
Khấu hao trong năm	9.753.393.302	7.588.058.133	1.693.741.968	63.265.180	1.526.702.764	1.126.333.556	21.751.494.903
Giảm do bán giao (*)	(804.487.468)	(460.582.913)	(1.142.332.200)	(124.956.900)	-	(5.696.704)	(2.538.056.185)
Số dư cuối năm	210.685.169.352	55.579.590.617	17.375.226.867	297.965.953	18.426.457.680	2.512.949.861	304.877.360.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	106.708.362.059	31.028.839.690	6.771.495.690	87.179.727	3.700.522.909	17.347.820.958	165.644.221.033
Số dư cuối năm	96.539.792.263	23.459.767.683	8.470.378.722	121.914.547	2.173.820.145	30.799.426.106	161.565.099.466

(*) Theo Quyết định Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để CPH của UBND tỉnh Hưng Yên, Biên bản bán giao tài sản ngày 07/11/2018, Công ty đã bàn giao cho Công ty mua bán nợ Việt Nam- Trung tâm giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản, và đã ghi giảm các tài sản như sau:

+ Giá trị tài sản không cần dùng, không còn hiện vật với nguyên giá là 1.758.293.749 đồng, giá trị còn lại là 527.006.494 đồng.

+ Giá trị tài sản chờ thanh lý với nguyên giá là 1.301.939.100 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊNSố 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	116.995.963.313	29.825.233.353	4.470.942	292.902.336	147.118.569.944
Nhận cấp vốn	-	15.602.887.020	-	-	15.602.887.020
Tăng vốn trong năm (*)	3.400.000.000	-	-	-	3.400.000.000
Giảm vốn trong năm (*)	(4.000.000.000)	-	-	-	(4.000.000.000)
Kết chuyển nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	(13.064.880.581)	-	-	(13.064.880.581)
Trích lập các quỹ	-	-	87.870.700	(292.902.336)	(205.031.636)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	34.583.510	34.583.510
Số dư cuối năm nay	116.395.963.313	32.363.239.792	92.341.642	34.583.510	148.896.128.257

(*) Vốn chủ sở hữu tăng trong năm từ nguồn vốn được cấp để đầu tư xe ô tô thang nâng người làm việc trên cao 3,4 tỷ đồng và giảm do kết chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB nâng cấp Nghĩa trang Chùa Điều với số tiền 4 tỷ đồng.

10. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.120.955	65.548.230
Cộng	32.120.955	65.548.230

11. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.235.355.842	7.346.857.660
Chi phí nhiên liệu, vật liệu quản lý	157.451.340	128.276.607
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.306.928.267	681.101.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.352.474	114.307.605
Thuế, phí và lệ phí	112.344.468	84.007.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.940.653	1.265.629.790
Các khoản chi phí QLDN khác	2.339.279.530	1.503.130.006
Cộng	9.724.652.574	11.123.311.133

12. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nhận tiền hỗ trợ các hoạt động	204.798.500	5.529.852.409
Cộng	204.798.500	5.529.852.409

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	68.609.242	95.906.629
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	101.519.416	39.857.576
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	101.519.416	39.857.576
Thu nhập chịu thuế	170.128.658	135.764.205
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.025.732	27.152.841

14. THÔNG TIN VỀ TIẾN ĐỘ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP

Thực hiện kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh giai đoạn 2015-2016, Công ty đã thực hiện việc lập phương án cổ phần hóa và xác định giá trị doanh nghiệp.

Đến ngày 31/07/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã có Quyết định số 1739/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2017 phục vụ việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên.

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.



Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Trương Quốc Trần
Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Bình